QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 MỞ RỘNG KHU DÂN CƯ ĐÔNG NAM, THỊ TRẤN BUÔN TRẤP (GIAI ĐOẠN 4)

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

TỔNG HỢP CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Kí hiệu	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
I	**Đất ở**		**28.632,90**	**41,90**
1	Đất ở chỉnh trang	CT	2.738,68	4,01
2	Đất ở tái định cư	TDC	1.773,00	2,59
3	Đất ở liền kề	LK	14.316,79	20,95
4	Đất ở biệt thự	BT	9.804,43	14,35
II	**Đất cơ quan**	**DCQSN**	**2.753,61**	**4,03**
III	**Đất cây xanh**		**4.211,30**	**6,16**
1	Đất cây xanh đô thị	DCXDT	739,63	1,08
2	Đất cây xanh đơn vị ở	DCXDVO	3.471,67	5,08
IV	**Đất bãi đỗ xe dân dụng**	**BĐXDD**	**424,79**	**0,62**
V	**Đất giao thông**		**32.307,40**	**47,28**
	Tổng cộng		**68.330,00**	**100,00**

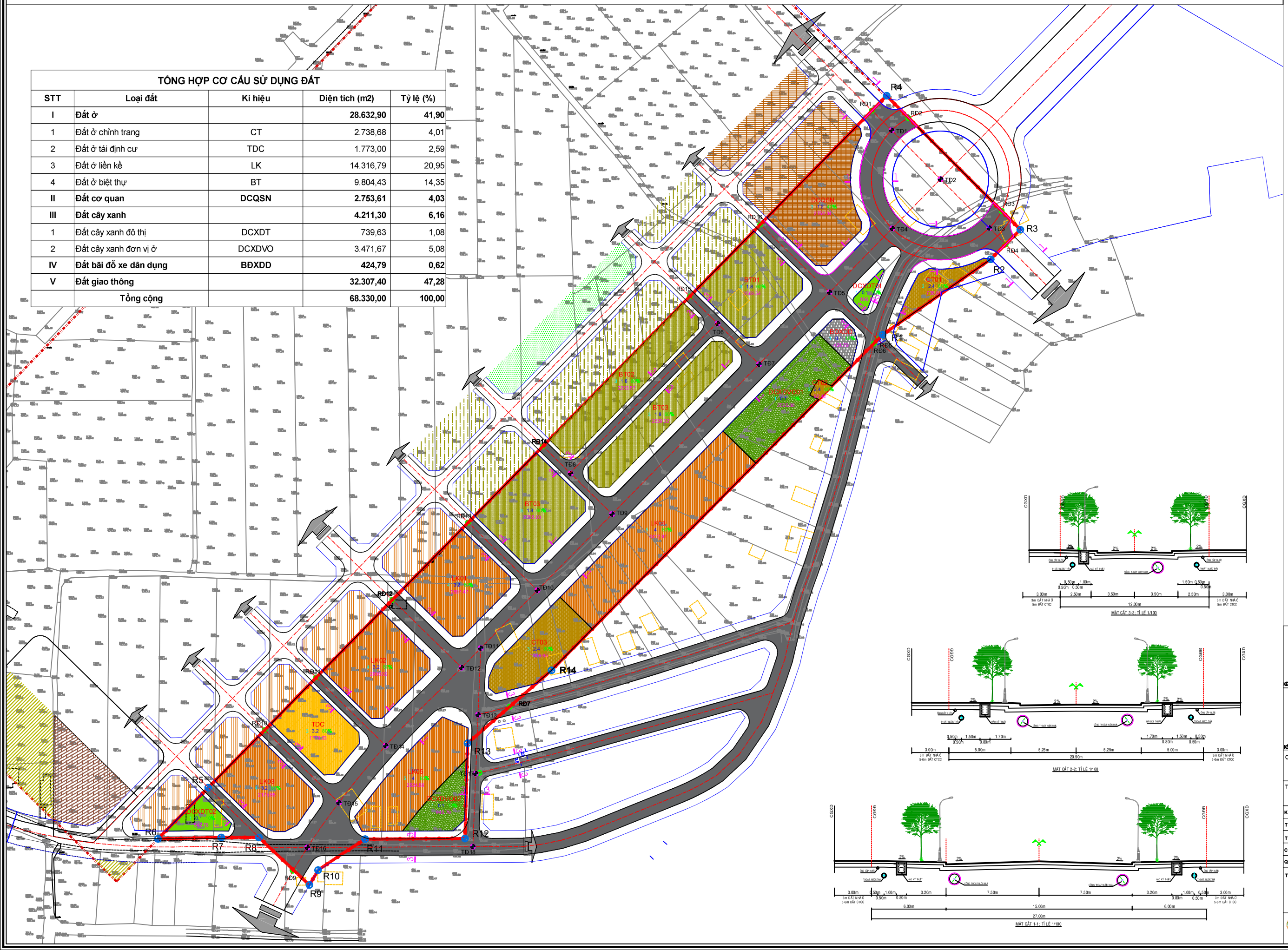

KÍ HIỆU

- RANH QUY HOẠCH
- ĐẤT CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
- ĐẤT Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT Ở CHỈNH TRANG
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT Ở TÁI ĐỊNH CƯ
- ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ
- ĐẤT BÃI ĐỖ XE
- R18 — TỌA ĐỘ RANH GIỚI - KÍ HIỆU RANH
- T1 — TỌA ĐỘ TIM ĐƯỜNG - KÍ HIỆU TIM
- TIM ĐƯỜNG
- ĐẤT GIAO THÔNG

VÒNG TRÒN CHỈ TIÊU

TÊN KHU — TYPE — MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)
TẦNG CAO — SODE MDXD
DIỆN TÍCH (ha) — S_HA — HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ TIM ĐƯỜNG
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y
1	1380304.09	450335.6
2	1380272.7	450367.14
3	1380241.21	450398.59
4	1380240.92	450335.98
5	1380199.78	450295.65
6	1380175.42	450227.71
7	1380153.32	450250.09
8	1380078.81	450132.98
9	1380056.79	450155.45
10	1380007.68	450107.29
11	1379970.38	450070.73
12	1379957.83	450058.42
13	1379927.53	450069.04
14	1379907.55	450009.48
15	1379870.83	449979.27
16	1379841.89	449958.98
17	1379889.57	450067.54
18	1379842.45	450065.69

BẢNG KÊ TỌA ĐỘ GÓC RANH
Theo hệ tọa độ VN-2000

Số hiệu điểm	Tọa độ X	Tọa độ Y	Cạnh (m)
1	1380172.51	450329.87	84.98
2	1380221.13	450399.57	27
3	1380240.21	450418.67	122.01
4	1380326.53	450332.44	624.65
5	1379880.5	449895.13	46.18
6	1379847.54	449862.79	40.77
7	1379848.43	449903.55	24.28
8	1379848.43	449927.83	44.7
9	1379817.8	449960.39	11.07
10	1379827.37	449965.96	36.34
11	1379847.36	449996.31	64.36
12	1379847.74	450060.67	61.44
13	1379909.16	450062.31	71.7
14	1379956.18	450116.43	303.9
1	1380172.51	450329.87	

MẶT CẮT 3-3; TỈ LỆ 1/100

MẶT CẮT 2-2; TỈ LỆ 1/100

MẶT CẮT 1-1; TỈ LỆ 1/100

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: /QĐ-UBND NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG HUYỆN KRÔNG ANA

KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH SỐ: /KTHT - TĐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

CÔNG TRÌNH:
QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 MỞ RỘNG
KHU DÂN CƯ ĐÔNG NAM, THỊ TRẤN BUÔN TRẤP (GIAI ĐOẠN 4)

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

KÝ HIỆU: QH-03	GHÉP: FIX	TỶ LỆ: 1/500	THÁNG: ...../2021
THỂ HIỆN	KS. HÀ THỊ MỸ LINH		
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN QUỐC TIẾN		
CHỦ NHIỆM	KTS. HỒ MINH THUẬN		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. HUỲNH VIẾT TRUNG		

TỔNG GIÁM ĐỐC:

HUỲNH VIẾT TRUNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG & TRẮC ĐỊA
TRỤ SỞ CHÍNH: SỐ 54 CAO THẮNG, PHƯỜNG TÂN AN, TP BUÔN MA THUỘT
TEL: 0262 - 3915135 FAX: 0262 - 3915135